
**Lãi suất LNH**
**Trái phiếu**

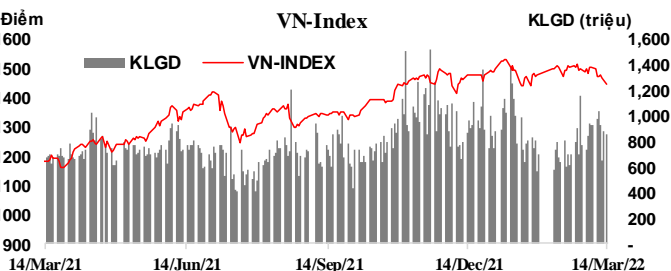
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.10	-0.04	0.16	0.00	3Y	1.48	0.022
1W	2.20	0.02	0.21	0.00	5Y	1.53	0.001
2W	2.26	0.04	0.27	-0.01	7Y	1.73	0.001
1M	2.23	0.07	0.35	-0.06	10Y	2.27	0.004
2M	2.40	0.06	0.43	-0.05	15Y	2.61	-0.001
3M	2.44	0.02	0.55	-0.03			
6M	2.57	-0.07	0.77	-0.05			
9M	2.68	-0.05	1.06	-0.09			
1Y	2.88	-0.14	1.13	-0.05			

Nguồn: Reuters

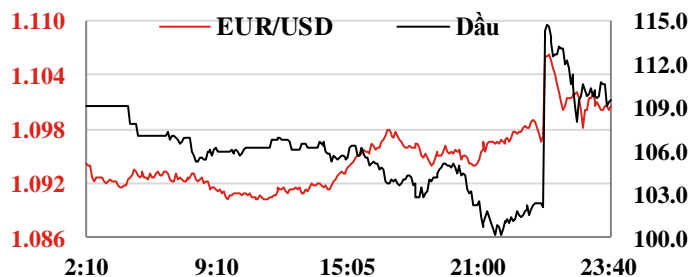
**Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ.đ)**

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
14-03-22	1	14	2.50	10,000	-	-	-	1,697.12
11-03-22	1	14	2.50	10,000	-	541.00	- 541.00	1,697.12
10-03-22	1	14	2.50	10,000	-	-	-	2,238.12

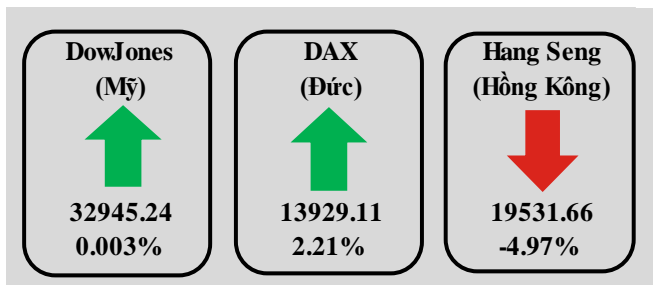
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1446.25	436.57	115.05
%/ngày	-1.38%	-1.27%	-0.28%
%/31/12/2021	-3.47%	-7.9%	2.1%
KLGD (tr.đ.v)	858.57	125.68	88.9
GTGD (tỷ đ)	27196.99	3483.69	1969.53
NDINN mua (tỷ đ)	1438.38	54.65	0.33
NDINN bán (tỷ đ)	2163.54	37.36	0.23


**Tin trong nước ngày 14/03**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 14/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.178 VND/USD, tăng mạnh 14 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.801 VND/USD, giảm nhẹ 05 đồng so với phiên 11/03. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở chiều mua vào và 10 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.430 VND/USD và 23.500 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 14/03, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,02 – 0,07 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ giảm 0,04 đpt ở kỳ hạn ON so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 2,10; 1W 2,20%; 2W 2,26 và 1M 2,23%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm 0,01 và 0,06 đpt lần lượt ở các kỳ hạn 2W và 1M; giao dịch tại: ON 0,16%; 1W 0,21%; 2W 0,27%, 1M 0,35%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm nhẹ ở kỳ hạn 15Y, cụ thể: 3Y 1,48%; 5Y 1,53%; 7Y 1,73%; 10Y 2,27%; 15Y 2,61%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, đồng thời cũng không có khối lượng đáo hạn. Như vậy, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giữ nguyên ở mức 1.697,12 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, cơn lốc bán tháo diễn ra trên khắp thị trường với số lượng cổ phiếu giảm giá trên hai sàn niêm yết nhiều gấp 3 lần số tăng. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index đóng cửa tại 1.446,25 điểm, giảm mạnh 20,29 điểm (-1,38%); HNX-Index giảm 5,63 điểm (-1,27%) còn 436,57 điểm; UPCoM-Index hạ 0,32 điểm (-0,28%) xuống 115,05 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức khá cao với tổng giá trị giao dịch đạt gần 32.650 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng gần 708 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Tài chính, trong tháng 02/2022, đã thực hiện rút vốn vay nước ngoài của Chính phủ khoảng 14,3 triệu USD (tương đương 326,97 tỷ đồng).** Lũy kế từ đầu năm đến 20/02, rút vốn đạt khoảng 182,7 triệu USD (tương đương khoảng 4.220,1 tỷ đồng), trong đó cấp phát khoảng 133,6 triệu USD, cho vay lại khoảng 49,2 triệu USD. Trả nợ của Chính phủ trong tháng 02 đạt khoảng 10.467 tỷ đồng, trong đó trả nợ trong nước khoảng 8.973 tỷ đồng, trả nợ nước ngoài khoảng 1.495 tỷ đồng. Lũy kế 2 tháng đầu năm, trả nợ Chính phủ khoảng 43.821 tỷ đồng, trong đó trả nợ trong nước 36.139 tỷ đồng, nợ nước ngoài 7.681 tỷ đồng; trả nợ trực tiếp của Chính phủ khoảng 40.470 tỷ đồng, trả nợ cho vay lại khoảng 3.351 tỷ đồng.



	14 Mar 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	99.00	-0.13%	-0.30%	3.16%
USD/CNY	6.36	0.34%	0.65%	0.14%
USD/EUR	0.91	-0.27%	-0.80%	3.92%
USD/JPY	118.18	0.77%	2.51%	2.69%
USD/KRW	1240.64	0.29%	0.69%	4.43%
USD/SGD	1.37	0.21%	0.38%	1.31%
USD/TWD	28.54	0.49%	0.91%	2.99%
USD/THB	33.45	0.45%	1.36%	0.66%
USD/VND Trung tâm	23178	0.06%	0.08%	0.14%
USD/VND LNH	22801	-0.04%	0.00%	0.04%
USD/VND tự do	23430	0.00%	0.13%	-0.09%
Vàng	1951.12	-1.72%	-2.35%	6.71%
Dầu	103.01	-5.78%	-13.73%	36.96%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	TĐ	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0791	-0.0001				
1M	0.4306	0.0340	0.4364	0.0000	0.0500	0.0003
3M	0.8847	0.0587	0.6291	0.0000	0.0493	0.0000
6M	1.1750	0.0444	0.6932	0.0000	0.0493	0.0000
1Y	1.6569	0.0609				

Số liệu SIBOR ngày 11/03/2022

### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	15/03/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	14/04/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	17/03/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/03/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	05/04/2022

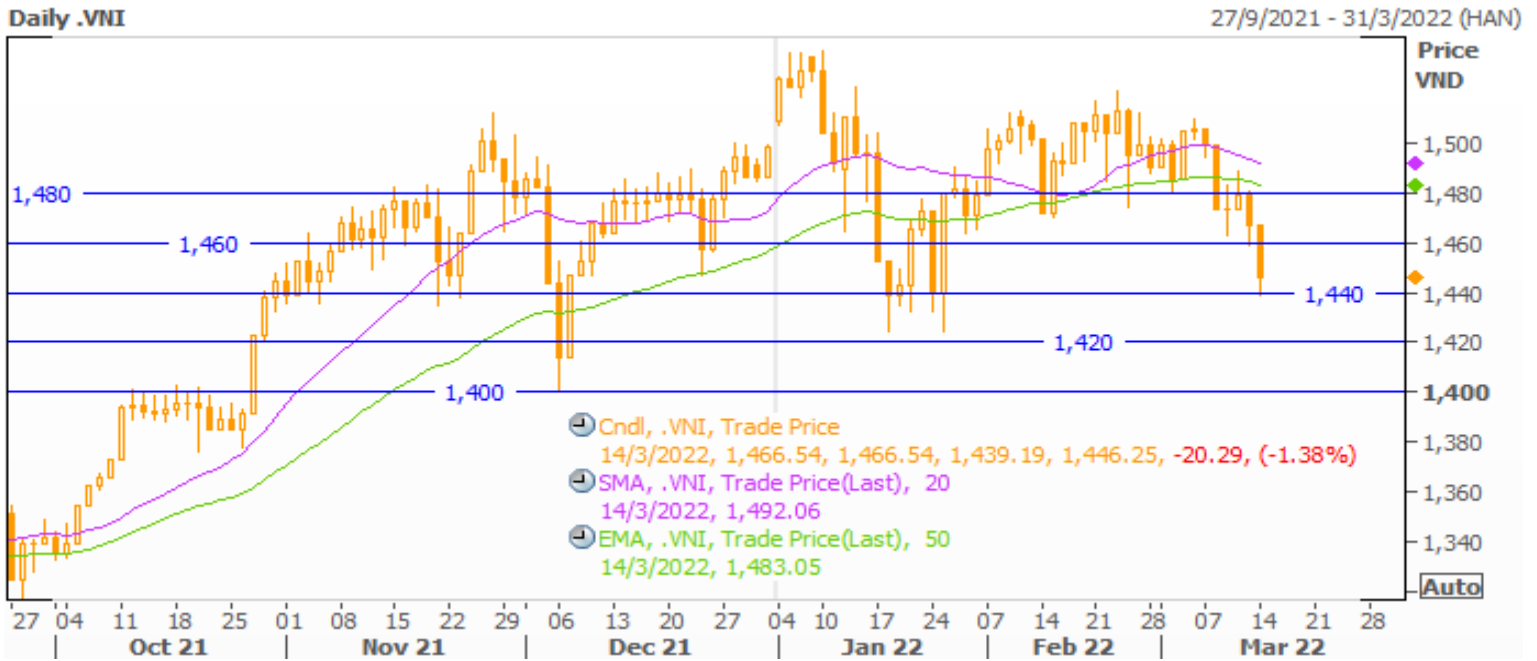
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Chỉ số giá bán buôn WPI tại nước Đức tiếp tục tăng mạnh.**  
 Văn phòng Thống kê Liên bang Đức cho biết chỉ số WPI của nước này tăng 1,7% m/m trong tháng 2 sau khi tăng 2,3% ở tháng trước đó, vượt qua mức tăng 0,9% theo dự báo của các chuyên gia. Đây là tháng tăng m/m thứ 16 liên tiếp đối với chỉ số này, theo đó WPI của tháng vừa qua đã tăng tới 16,6% so cùng kỳ năm 2021. WPI tăng sẽ gián tiếp dẫn tới CPI của nước Đức tăng lên. Hiện tại, CPI của quốc gia này đã ở mức tương đối cao, 5,1% y/y trong tháng 2 và đóng góp lớn vào đà tăng CPI chung của toàn bộ khu vực Eurozone. Áp lực lạm phát tại nước Đức nói riêng và Eurozone nói chung tăng mạnh trong thời gian tới có thể khiến cho quá trình thu hẹp CSTT nói lỏng của NHTW Châu Âu ECB diễn ra nhanh hơn so với những gì được thông báo trong cuộc họp vừa qua.
- Nga và Ukraine tiến hành vòng đàm phán thứ tư.** Cụ thể, hôm qua ngày 14/03, Nga và Ukraine đã có vòng đàm phán trực tuyến nhằm đạt được thỏa thuận ngừng bắn tại Ukraine. Bên cạnh đó Tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky cũng hy vọng qua vòng đàm phán lần này sẽ mở ra một cuộc đối thoại trực tiếp giữa ông và Tổng thống Nga Vladimir Putin. Kể từ khi chiến tranh bắt đầu, hai nước cũng đã có 3 cuộc đàm phán, nhưng kết quả tích cực nhất chỉ là thiết lập một hành lang nhân đạo nhằm sơ tán dân thường khỏi khu vực xảy ra xung đột quân sự.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
14 - 03	14:00	*	Chỉ số giá bán buôn WPI của Đức mm T2	1.7	0.9	2.3
11 - 03	20:30	*	Chỉ số kinh tế CB Anh mm T1	0.2		0.1
15 - 03	9:00	**	Doanh số bán lẻ Trung Quốc yy T2		3.0	1.7
15 - 03	9:00	*	Sản lượng công nghiệp Trung Quốc yy T2		4.0	4.3
15 - 03	9:00	*	Tỷ lệ thất nghiệp Trung Quốc T2		5.1	5.1
15 - 03	14:00	*	Thu nhập bình quân tại Anh 3m/y T1		4.6	4.3
15 - 03	14:00	*	Tỷ lệ thất nghiệp tại Anh T1		4.0	4.1
15 - 03	17:00	**	Niêm tin kinh tế ZEW Eurozone T3		10.3	48.6
15 - 03	19:30	***	PPI Mỹ mm T2		1.0	1.0
15 - 03	19:30	**	PPI lõi Mỹ mm T2		0.6	0.8

## VN-INDEX



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1446,25 điểm. Chỉ số VN-Index đang có xu hướng kiểm nghiệm lại kênh hỗ trợ đi ngang quanh 1.420 điểm tương ứng vùng đáy tháng 1/2022, kỳ vọng tại đây sẽ có đáy ngắn hạn cho một nhịp hồi phục.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.420 – 1.400

Ngưỡng kháng cự: 1.460 – 1.480

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

**Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm**

Email: ninhnh1@msb.com.vn

**Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích**

Email: trangtt5@msb.com.vn

**Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích**

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)